

Bản án số: 61/2022/HNGĐ-ST

Ngày 13/12/2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN - TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Văn Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Quân

2/ Bà Dương Thị Thắm

- **Thư ký phiên tòa:** ông Phan Thanh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Hiền - KSV.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2022/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị L - sinh năm 1999

Địa chỉ: thôn Th, xã Th, huyện Th, Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Anh Hoàng Phương N - sinh năm 1997

Địa chỉ: thôn Tr, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

(Hiện đang cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy số 1 tỉnh Thanh Hóa; Địa chỉ: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa).

Tại phiên tòa có mặt chị L, vắng mặt anh N(*anh N có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 25/8/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày: Chị và anh Hoàng Phương N kết hôn ngày 28/6/2019 trên cơ sở tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Trong quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N nghiện ma túy, quan điểm sống của vợ chồng hoàn toàn trái ngược nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói

chung. Chị và anh N đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Phương N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, là Hoàng Thị Tường V sinh ngày 19/6/2019. Ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị Tường V và chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn anh Hoàng Phương N: Tại bản tự khai ngày 07/10/2022 anh N trình bày: Anh và chị L lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, không có sự ép buộc, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện N vào ngày 28/6/2019, Vợ chồng sống với nhau đến ngày 10/01/2020 thì chị L bỏ đi vì vợ chồng cãi nhau, do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Nay chị L làm đơn ly hôn, anh không đồng ý ly hôn, lý do anh còn yêu vợ, đang còn tình cảm với vợ. Nếu chị L kiên quyết ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Thị Tường V sinh ngày 19/6/2019, hiện tại cháu đang ở với ông bà nội. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tường V và anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Hoàng Phương N có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải giữa anh và chị L.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên nên Tòa án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ để xác minh nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện các quy định của BLTTDS, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị L, cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Hoàng Phương N.

Về con: Giao cháu Hoàng Thị Tường V sinh ngày 19/6/2019 cho chị Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của chị Bùi Thị L, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Hoàng Phương N. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 07/10/2022, anh N có đơn không yêu cầu Tòa án tiến hành hòa giải và có đơn xin xét xử vắng mặt. Lý do anh N đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, tại cơ sở cai nghiện ma túy số 1 tỉnh Thanh Hóa; Địa chỉ: thôn Kim Sơn, xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Hoàng Phương N kết hôn ngày 28/6/2019, trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý, không cản trở, cưới có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N nghiện ma túy, quan điểm sống trái ngược nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Chị L và anh N đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Hiện tại anh N đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian là 24 tháng tính từ ngày 30/12/2021 (ngày đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc). Ý kiến của anh N không đồng ý ly hôn, nhưng chị L kiên quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 30/9/2022, trưởng thôn Tr, xã N, huyện N cho biết: Sau khi cưới thì chị Bùi Thị L về sinh sống cùng anh N tại thôn Tr, xã N, huyện N, đến đầu năm 2020 thì chị L bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn Th, xã Th, huyện Th sinh sống. Bà Mai Thị B (trưởng thôn) được biết mâu thuẫn xảy ra của vợ chồng là do anh Hoàng Phương N chơi bời, nghiện ma túy, không chăm lo cho gia đình, vợ con, suốt ngày tụ tập bạn bè chơi bời, các đoàn thể, gia đình và chị L khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh N vẫn không nghe, không từ bỏ ma túy.

HĐXX xét thấy: cuộc hôn nhân của chị L và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần giải quyết cho chị L được ly hôn anh N là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị L và anh N có 01 con chung là Hoàng Thị Tường V sinh ngày 19/6/2019. Ly hôn chị L xin được trực tiếp nuôi cháu Tường V. Còn anh N nếu vợ chồng ly hôn thì anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

HĐXX xét thấy: Yêu cầu về nuôi con là quyền và nghĩa vụ của bố và mẹ là ngang nhau. Nhưng anh N đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nên không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V. Tại biên bản xác minh ngày 30/9/2022 trưởng thôn Tr, xã N, huyện N cho biết: Vợ chồng chị L, anh N có 01 con chung là cháu V sinh năm 2019, lúc thì chị L đón cháu V về ở cùng chị, khi thì chị L lại đưa cháu V về sống với ông bà nội. Do vậy, nên xử giao cháu Tường V cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn.

Về mức cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên miễn xét.

[4] Về tài sản: Chị L và anh N không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí: chị Bùi Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị L, cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Hoàng Phương N.

2. Về con: Giao cháu Hoàng Thị Tường V sinh ngày 19/6/2019 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh N có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải nộp 300.000đ án phí DSST về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST chị L đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0015049 ngày 25/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND huyện N;
- Các đương sự;
- Phòng GD- KT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã N, huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Văn Tuyên